TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 168/2020/DS-PT Ngày: 15 - 6 - 2020 *V/v "Tranh chấp đòi tài sản; Yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn văn Tửu.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên.

Ông Phan Đức Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLPT-DS, ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc "*tranh chấp đòi lại tài sản; yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung*". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST, ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 569/2020/QĐXX-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Chang, Chih-Ch (tên khác: Trương Trí Th), sinh năm 1976, cư trú tại: Số 30, lầu 4/2, ngõ 178, đường TN, ấp 11, phường NT, khu VH, thành phố ĐB, lãnh thổ Đài Loan (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1992, cư trú tại: Số 5/4B, ấp LT, xã LTT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh (Hợp đồng ủy quyền ngày 18/02/2019, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Văn T - Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn BML thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt đề ngày 12/6/2020).

- *Bị đơn:* Bà Võ Ngọc L, sinh năm 1968, cư trú tại: Tổ 15, ấp Tua Hai, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Ngọc L: Luật sư Nguyễn Văn T1 - Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên BP thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Võ Thị Thùy Tr, sinh năm 1989, cư trú tại: Số 30, lầu 4/2, ngõ 178, đường TN, ấp 11, phường NT, khu VH, thành phố ĐB, lãnh thổ Đài Loan. Nơi tạm trú tại Việt Nam: Tổ 01, ấp TH, xã ĐK, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Võ Ngọc L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Võ Thị Thùy Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Chang, Chih-Ch – tên khác: Trương Chí Th (sau đây gọi là: Anh Th) và người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Văn Tr trình bày:

Anh Th là người Đài Loan, kết hôn với chị Võ Thị Thùy Tr1 vào năm 2013, đến năm 2014 chị Tr1 sang Đài Loan sống cùng Anh Th, trước khi kết hôn với chị Tr1, Anh Th đã có tài sản riêng là ngôi nhà ở Đài Loan do cha mẹ cho từ năm 2003. Khoản năm 2017, chị Tr1 yêu cầu Anh Th bán nhà sang Việt Nam sống với chị Tr1, mẹ chị Tr1 là bà Võ Ngọc L chủ động đề xuất với Anh Th là để bà L thay mặt và giúp mua đất ở Việt Nam, Anh Th đồng ý nên ngày 28-9-2017 Anh Th bán nhà với giá 3.500.000 Tân đài tệ (tương đương hơn 03 tỷ tiền Việt Nam), ngày 05-10-2017, Anh Th chuyển khoản 98.522 USD (đô la Mỹ) từ Ngân hàng PB, ĐB sang Việt Nam cho bà L thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (AGRIBANK), Chi nhánh tỉnh Tây Ninh, theo số tài khoản do bà L cung cấp là 570020554484, để nhờ mua đất. Đến năm 2018 bà L vẫn không mua, Anh Th hỏi đến thì bà L trốn tránh sau đó phủ nhận việc nhờ mua đất, Anh Th sang Việt Nam đòi số tiền đã gửi nhưng bà L không trả.

Nay Anh Th khởi kiện yêu cầu bà L trả 98.522 USD, quy đổi thành tiền Việt Nam tại thời điểm chuyển khoản là 2.238.419.840 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L khai đã chi phí thuê xe và mua vé máy bay cho Anh Th đi và về từ Đài Loan sang Việt Nam 02 lần với số tiền 19.800.000 đồng, có giao cho Anh Th 120.000.000 đồng để tiêu xài trong thời gian ở Việt Nam, tổng cộng 139.800.000 đồng là có thật, Anh Th chấp nhận trừ và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này vào ngày 31-10-2019, số tiền còn lại yêu cầu trả là 2.098.619.840 đồng (2.238.419.840 đồng - 139.800.000 đồng).

Bà L khai ngoài số tiền nêu trên còn giao cho Anh Th một lần 70.000.000 đồng và một lần 200.000.000 đồng là không có, Anh Th không chấp nhận khấu trừ.

Bà L khai có giao cho chị Tr1 1.100.000.000 đồng, việc này có hay không Anh Th không cần biết, không chấp nhận vì 98.522 USD là tài sản riêng của

Anh Th, Anh Th không tặng cho chị Tr1, nên yêu cầu bà L trả đủ số tiền sau khi khấu trừ như đã nêu trên.

- Bị đơn bà Võ Ngọc L trình bày:

Bà có nhận của anh Chang, Chih-Ch (Trương Trí Th) 98.522 USD chuyển khoản từ Đài Loan đến AGRIBANK - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh vào ngày 06-10-2017, Ngân hàng đã quy đổi sang tiền Việt Nam cho bà là 2.238.419.840 đồng, trong đó:

+ Anh Th đã cho riêng bà 500.000.000 đồng, cho không giấy tờ nhưng có nói với chị Tr1; Anh Th đã thừa nhận trong Biên bản làm việc ngày 29-10-2018 của Phòng Quản lý xuất, nhập cảnh, Công an tỉnh Tây Ninh, bà đã nộp cho Tòa án, số còn lại nhờ bà giữ hộ, không có việc nhờ mua đất, 500.000.000 đồng được cho, bà đã tiêu xài hết.

+ Trong những lần Anh Th đến Việt Nam, bà đã giao và chi phí cho Anh Th các khoản như sau:

Tháng 10-2018, không nhớ ngày, giao 200.000.000 đồng, 03 ngày sau bà mua vé máy bay cho Anh Th về Đài Loan số tiền 8.500.000 đồng, thuê xe đưa Anh Th đến sân bay 1.400.000 đồng, giao tiền mặt 70.000.000 đồng nhưng Anh Th không về mà quay lại nhà bà, gây gỗ với chị Tr1, ngày hôm sau bà mua vé máy bay và thuê xe hết 9.900.000 đồng cho Anh Th về Đài Loan. Số tiền đã giao và chi phí nêu trên không ghi giấy tờ.

Về Đài Loan được 02 ngày, Anh Th lại sang Việt Nam gửi đơn đến Phòng Quản lý xuất, nhập cảnh tố cáo bà. Ngày 29-10-2018, Phòng Quản lý xuất, nhập cảnh làm việc với Anh Th, buổi chiều cùng ngày Anh Th yêu cầu bà giao 20.000.000 đồng để tiêu xài, mấy ngày sau yêu cầu bà giao 100.000.000 đồng, vì đã có mâu thuẫn nhau nên 02 lần giao tiền này bà yêu cầu Anh Th ghi biên nhận, đã nộp cho Tòa án.

Tổng số tiền bà đã giao và chi phí cho Anh Th là 409.800.000 đồng.

Ngoài ra, trong thời gian ở Việt Nam, chị Tr1 đã lấy 02 lần, bà không nhớ ngày tháng, chỉ nhớ là lần thứ nhất lấy 500.000.000 đồng, lần thứ hai lấy 600.000.000 đồng, tổng cộng là 1.100.000.000 đồng, vì bà nghĩ là tiền chung của vợ chồng nên khi giao tiền cho chị Tr1 không báo với Anh Th, vì chị Tr1 là con ruột nên khi giao tiền bà không yêu cầu chị Tr1 ghi biên nhận. Vào ngày 15-7-2019 bà nộp đơn phản tố yêu cầu Anh Th và chị Tr1 khấu trừ số tiền 1.100.000.000 đồng đã giao cho chị Tr1, ngày 24-9-2019 bà rút đơn phản tố.

Bà yêu cầu trừ các khoản nêu trên, số tiền còn lại là 228.619.840 đồng, bà chấp nhận trả cho Anh Th. Không chấp nhận trả theo yêu cầu của Anh Th số tiền 2.098.619.840 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Thùy Tr trình bày: Chị là vợ của anh Chang, Chih-Ch (Trương Trí Th), 98.522 USD Anh Th gửi cho bà L là tài sản chung của chị và Anh Th, nguồn tiền là do chị và Anh Th làm thuê tích góp hàng tháng có được, do chị chưa có căn cước công dân ở Đài Loan

nên để Anh Th đứng tên chuyển khoản cho bà L, công việc của chị là làm thuê cho quán ăn. Việc Anh Th bán nhà riêng của mình là có, chị cũng thừa nhận căn nhà là tài sản riêng của Anh Th nhưng số tiền bán nhà Anh Th sử dụng riêng không phải là tiền gửi cho bà L.

Trong 98.522 USD, vợ chồng chị đã thống nhất cho riêng bà L 500.000.000 đồng, chị cần tiền tiêu xài cá nhân nên đã lấy 1.100.000.000 đồng; bà L đã giao và bà L chi cho Anh Th 409.800.000 đồng, còn lại 228.619.840 đồng chị yêu cầu chia đôi với Anh Th vì là tài sản chung của vợ chồng.

Nếu Anh Th đòi thì chị chấp nhận trả Anh Th ½ số tiền 1.100.000.000 đồng chị đã lấy từ bà L để tiêu xài cá nhân.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Áp dụng Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 579 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Chang, Chih-Ch (Trương Trí Th) đối với bà Võ Ngọc L số tiền 139.800.000 đồng.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Chang, Chih-Ch đối với bà Võ Ngọc L về việc đòi lại tài sản.

- Buộc bà Võ Ngọc L phải trả cho anh Chang, Chih-Ch 2.098.619.840 (hai tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm mười chín nghìn, tám trăm bốn mươi) đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Võ Thị Thùy Tr1 đối với anh Chang, Chih-Ch về việc chia tài sản chung số tiền 228.619.840 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm; Về lãi suất, quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Cùng ngày 03 tháng 12 năm 2019, bị đơn bà Võ Ngọc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Thùy Tr đều có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST, ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

+ Lý do kháng cáo của bà L là: Con gái bà L là chị Võ Thị Thùy Tr kết hôn với Anh Th vào năm 2011. Quá trình chung sống chị Tr và Anh Th có tài sản chung là 98.522 USD, số tiền này Anh Th đã cho con bà L là chị Tr. Do chị Tr con bà L không có tài khoản riêng ở Đài Loan nên Anh Th nói để anh gửi giùm chị Tr về Việt Nam cho bà L, nội dung gửi tiền là do Anh Th tự ghi chứ không phải theo ý kiến của bà L. Cụ thể số tiền 98.522 USD

khi đó tính ra tiền Việt Nam đồng là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng) được chia ra như sau:

- Số tiền 500.000.000 đồng là của chị Tr và Th cho bà L.

- Ngày 01/12/2018, bà L trả chị Tr nhận 600.000.000 đồng; tháng 02/2019 bà L trả chị Tr nhận 500.000.000 đồng. Như vậy, số tiền bà L đã trả lại chị Tr nhận là 1.100.000.000 đồng.

Còn lại 500.000.000 đồng khi chị Tr và Anh Th về Việt Nam chơi có kêu bà L đưa tiền tiêu xài và mua vé máy bay, thuê khách sạn, thuê xe đi lại…(cụ thể là bà L đưa cho chị Tr) đã hết.

Nay Anh Th yêu cầu bà L trả số tiền đã gửi nêu trên bà L không đồng ý, ngoài số tiền 500.000.000 đồng vợ chồng chị Tr Anh Th cho bà L còn giữ thì bà L không còn giữ khoản tiền nào của vợ chồng chị Tr Anh Th cả. Bà L không đồng ý án sơ thẩm quyết định bà phải trả Anh Th 2.098.000.000 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi tám triệu đồng). Vì thế bà L yêu cầu:

Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm không buộc bà L phải trả Anh Th số tiền 2.098.000.000 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi tám triệu đồng).

+ Lý do kháng cáo của chị Võ Thị Thùy Tr: Chị Tr và Anh Th kết hôn năm 2011, quá trình chung sống có tài sản chung là 98.522 USD. Do chị Tr không có tài khoản riêng nên chị Tr thỏa thuận để Anh Th gửi giùm số tiền 98.522 USD về cho bà L và cho chị Tr để bà L sinh sống.

Cụ thể số tiền 98.522 USD khi đó tính ra tiền Việt Nam đồng là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng) được chia ra cụ thể đúng như đơn kháng cáo bà L đã trình bày nêu trên.

Nay chị Tr kháng cáo yêu cầu tòa phúc thẩm xử không buộc bà L mẹ chị phải trả Anh Th số tiền 2.098.000.000 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi tám triệu đồng). Chị Tr yêu cầu chia đôi số tiền 228.619.840 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu sáu trăm mười chín ngàn tám trăm bốn mươi đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người kháng cáo bà Võ Ngọc L, chị Võ Thị Thùy Tr, trình bày: Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo ngày 03/12/2019. Không bổ sung chứng cứ mới.

Luật sư Nguyễn Văn T1 trình bày: Kháng cáo của bà L theo đơn kháng cáo ngày 03/12/2019 là có căn cứ nên đề nghị Tòa chấp nhận kháng cáo của bà L, sửa án sơ thẩm chỉ buộc bà L trả Anh Th chị Tr số tiền 228.619.840 đồng.

- Đại diện Anh Th là anh Nguyễn Văn Tr, trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý theo án sơ thẩm. Không đồng ý với kháng cáo của bà L và chị Tr nêu trên.

Luật sư Phạm Văn Tình xin vắng mặt theo đơn đề ngày 12/6/2020 và bảo lưu lời trình bày của luật sư như tại cấp sơ thẩm.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm.

Đối với kháng cáo của bị đơn bà Võ Ngọc L là có căn cứ chấp nhận một phần, do án sơ thẩm buộc bà L trả Anh Th 2.098.619.840 đồng là chưa xem xét toàn diện chứng cứ, vì ở cấp sơ thẩm Anh Th đã thừa nhận tại Bên bản ngày 29/10/2018 của Công an tỉnh Tây Ninh với nội dung*"Tôi Chang-Chih Ch đưa tiền cho vợ nói gửi về cho mẹ tại Việt Nam, mục đích nhờ mẹ giữ để sau hai vợ chồng làm ăn, một phần cho mẹ làm ăn sinh sống"*và các lần bà L giao tiền cho Anh Th một lần 70.000.000 đồng và một lần 200.000.000 đồng trong 02 lần này có 02 lần bà L mua vé máy bay và thuê xe 19.800.000 đồng thì Anh Th thừa nhận, mặc dù Anh Th không thừa nhận có nhận 02 lần đối với số tiền trên nhưng chị Tr xác nhận việc bà L giao tiền cho Anh Th là có thật và thời gian này vợ chồng chị Tr, Anh Th và bà L chưa có mâu thẩn nên có căn cứ để chấp nhận số tiền bà L giao cho Anh Th, vì thế đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần kháng cáo này của bà L, đối với kháng cáo còn lại của bà L và chị Tr là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án ngày 26/11/2019 đến ngày 03/12/2019 bị đơn bà Võ Ngọc L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Thùy Tr đều có đơn kháng cáo nên kháng cáo của bà L và chị Tr là hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- *Về nội dung*:

[1] Đối với kháng cáo của bị đơn bà Võ Ngọc L, xét:

[1.1] Bà L thừa nhận có nhận số tiền 98.522 USD do Anh Th gửi từ tài khoản của Anh Th. Theo đơn xin chuyển khoản/chứng từ nhận tiền (BL02- 03) của Ngân hàng Phú Bang, Đài Bắc thể hiện: Số tiền Anh Th chuyển cho bà L là 98.522 USD và tính chất chuyển khoản ghi: mua bán nhà đất. Tại Chứng từ giao dịch của AGRIBANK- Chi nhánh Tây Ninh ngày 06/10/2017 (BL57) thể hiện người nhận là bà Võ Ngọc L nhận số tiền 98.522 USD quy tiền Việt Nam đồng cùng ngày là 2.238.419.840 đồng (hai tỷ hai trăm ba mươi tám triệu bốn trăm mười chín ngàn tám trăm bốn mươi đồng). Mặc dù lời khai của bà L trước sau không thống nhất, ở cấp sơ thẩm bà L khai số tiền 98.522 USD quy tiền Việt Nam đồng cùng ngày là 2.238.419.840 đồng, tại đơn kháng cáo bà L khai số tiền

98.522 USD quy tiền Việt Nam đồng cùng ngày là 2.100.000.000 đồng, nhưng căn cứ vào chứng từ giao dịch tại Ngân hàng Hội đồng xét xử xác định số tiền 98.522 USD quy tiền Việt Nam đồng cùng ngày là 2.238.419.840 đồng.

[1.2] Bà L cho rằng số tiền 98.522 USD là tài sản chung của chị Tr và Anh Th và Anh Th đã cho chị Tr số tiền này do chị Tr không có tài khoản nên nhờ Anh Th dùng tài khoản của Anh Th gửi về Việt Nam cho bà L. Lời nại ra này của bà L được chị Tr thừa nhận nhưng Anh Th không thừa nhận, vì người chuyển tiền là Anh Th, và chị Tr cũng thừa nhận Anh Th có tài sản riêng là căn nhà của cha mẹ cho và Anh Th đã bán trị giá 3.500.000 tân tài tuệ (tương đương 3 tỷ tiền Việt Nam đồng) nên Hội đồng xét xử xác định số tiền 98.522 USD quy tiền Việt Nam đồng cùng ngày là 2.238.419.840 đồng. Là tài sản riêng của Anh Th.

[1.3] Bà L yêu cầu trừ số tiền 500.000.000 đồng ra khỏi số tiền 2.238.419.840 đồng của Anh Th gửi bà L nhận. Lý do: Anh Th và chị Tr cho bà L số tiền này. Xét, yêu cầu này của bà L được chị Tr thừa nhận vì chị Tr cho rằng số tiền 2.238.419.840 đồng là tài sản chung của chị và Anh Th, mặc dù không được Tòa thừa nhận là tài sản chung như nhận định trên, nhưng xét yêu cầu này của bà L là có căn cứ, vì: Chị Tr đã có thời gian nhiều năm ở Đài Loan đi làm có thu nhập và Theo lời khai của Anh Th ngày 29/10/2018 tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Tây Ninh thì Anh Th đã khai *"Tôi Chang-Chih Ch đưa tiền cho vợ nói gửi về cho mẹ tại Việt Nam, mục đích nhờ mẹ giữ để sau hai vợ chồng làm ăn, một phần cho mẹ làm ăn sinh sống"* đây là lời khai Anh Th thừa nhận chữ ký là của Anh Th, không có việc bị ép buộc, nên việc Anh Th cho rằng người phiên dịch dịch không đúng ý anh là không có căn cứ, Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà L là chưa đúng vì thế chấp nhận phần kháng cáo này của bà L, sửa án sơ thẩm.

[1.4] Bà L yêu cầu khấu trừ số tiền trong những lần Anh Th đến Việt Nam, bà L đã giao và chi phí cho Anh Th các khoản như sau:

Tháng 10-2018, không nhớ ngày, giao 200.000.000 đồng, 03 ngày sau bà mua vé máy bay cho Anh Th về Đài Loan số tiền 8.500.000 đồng, thuê xe đưa Anh Th đến sân bay 1.400.000 đồng, giao tiền mặt 70.000.000 đồng nhưng Anh Th không về mà quay lại nhà bà, gây gỗ với chị Tr1, ngày hôm sau bà mua vé máy bay và thuê xe hết 9.900.000 đồng cho Anh Th về Đài Loan. Số tiền đã giao và chi phí nêu trên không ghi giấy tờ. Về Đài Loan được 02 ngày, Anh Th lại sang Việt Nam gửi đơn đến Phòng Quản lý xuất, nhập cảnh tố cáo bà. Ngày 29-10-2018, Phòng Quản lý xuất, nhập cảnh làm việc với Anh Th, buổi chiều cùng ngày Anh Th yêu cầu bà giao 20.000.000 đồng để tiêu xài, mấy ngày sau yêu cầu bà giao 100.000.000 đồng, vì đã có mâu thuẫn nhau nên 02 lần giao tiền này bà L yêu cầu Anh Th ghi biên nhận, đã nộp cho Tòa án. Tổng số tiền bà L chi cho Anh Th là 409.800.000 đồng.

Xét, trong số tiền nêu trên Anh Th chỉ thừa nhận bà L có chi số tiền chi phí thuê xe và mua vé máy bay với số tiền 19.800.000 đồng, 02 lần có biên nhận

một lần ngày 29/10/2018 là 20.000.000 đồng, một lần ngày 03/11/2018 là 100.000.000 đồng; còn số tiền bà L giao 02 lần không giấy là tờ trước ngày 29/10/2018 là 270.000.000 đồng thì Anh Th không thừa nhận, nhưng đây là thời gian Anh Th, chị Tr và bà L chưa có mâu thuẫn, chị Tr thừa nhận bà L có đưa số tiền trên, Anh Th cũng thừa nhận trong khi 02 lần này bà L có chi phí thuê xe, mua vé máy bay cho Anh Th số tiền 19.800.000 đồng nên có căn cứ chấp nhận số tiền bà L chi cho Anh Th 02 lần là 270.000.000 đồng. Cộng nhận số tiền 409.000.000 đồng là bà L đã chi cho Anh Th nhận nên được khấu trừ.

[1.5] Đối với số tiền bà L chi cho chị Tr 02 lần bằng 1.100.000.000 đồng, chị Tr thừa nhận. Xét, như nhận định trên số tiền 2.238.419.840 đồng. Là tài sản riêng của Anh Th. Nên việc bà L tự ý đưa chị Tr mà không được sự đồng ý của Anh Th thì bà L và chị Tr tự giải quyết với nhau, Anh Th không chịu trách nhiệm, do đó không chấp nhận kháng cáo này của bà L.

[2] Từ nhận định ở mục [1] nêu trên nên Hội đồng xét xử cũng chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận một phần kháng cáo của bà L và chị Tr về số tiền chi cho Anh Th nhận không có biên nhận và số tiền Anh Th cho bà L; không chấp nhận kháng cáo của bà L đối với số tiền 1.100.000.000 đồng giao cho chị Tr; không chấp nhận kháng cáo của chị Tr về yêu cầu chia số tiền 228.619.840 đồng, sửa án sơ thẩm. Buộc bà L trả Anh Th số tiền 1.328.619.840 đồng lấy tròn 1.328.620.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của Anh Th với số tiền 770.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên tính lại án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: Bà L phải nộp án phí giá ngạch của số tiền 1.328.620.000 đồng phải trả ra; Anh Th phải chịu án phí giá ngạch của số tiền 770.000.000 đồng không được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà L, chị Tr không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả bà L, chị Tr mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

[5] Quyết định khác của án sơ thẩm về đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309, Điều 147, Điều 148, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 579 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Võ Ngọc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Thùy Tr, sửa án sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Chang, Chih-Ch (Trương Trí Th) đối với bà Võ Ngọc L về việc đòi lại tài sản.

- Buộc bà Võ Ngọc L phải trả cho anh Chang, Chih-Ch 1.328.620.000 đồng (một tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày anh Chang, Chih-Ch có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Võ Ngọc L chưa trả đủ số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng bà L còn phải trả cho anh Chang, Chih-Ch tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Chang, Chih-Ch đối với yêu cầu bà Võ Ngọc L trả số tiền 770.000.000 đồng (bảy trăm bảy mươi triệu đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Võ Thị Thùy Tr1 đối với anh Chang, Chih-Ch về việc chia tài sản chung số tiền 228.619.840 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu sáu trăm mười chín ngàn tám tăm bốn mươi đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Chang, Chih-Ch nộp 34.800.000 đồng (ba mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng); bà Võ Ngọc L nộp 51.858.000 đồng (năm mươi mốt triệu tám trăm năm mươi tám ngàn đồng) tiền án phí; phần án phí của anh Chang, Chih-Ch được khấu trừ từ 38.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000822 ngày 24/01/2019 còn lại 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng) hoàn trả lại anh Chang, Chih-Ch, phần án phí của bà Võ Ngọc L được khấu trừ từ 22.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu số 0000997 ngày 22/7/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh còn lại bà Võ Ngọc L phải nộp tiếp là 29.358.000 đồng (hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi tám ngàn đồng).

- Chị Võ Thị Thùy Tr1 phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 2.838.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0001108 ngày 11/11/2019, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho chị Võ Thị Thùy Tr 2.538.000 (hai triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Ngọc L và chị Võ Thị Thùy Tr không phải nộp, hoàn trả bà Võ Ngọc L và chị Võ Thị Thùy Tr mỗi người 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0001122 và 0001123 cùng ngày 03/12/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

7. Quyết định khác của án sơ thẩm về đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tửu

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự (3);
- Lưu hs (2) vp (5) 14b (án 09)